

Số: 993 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính
tỉnh Khánh Hòa năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1328/TTr-SNV ngày 10/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc; thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ (VBĐT);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (VBĐT);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (VBĐT);
- Cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Lưu: VT, DL, SNV,...b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuấn

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 16/4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KIỂM TRA

1. Mục đích

a) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính (viết tắt là CCHC); nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC, đặc biệt là người đứng đầu.

b) Rà soát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực và kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương (gọi chung là cơ quan). Từ đó, rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC trong thời gian tới, góp phần nâng điểm số và thứ hạng các chỉ số đánh giá của tỉnh so với các tỉnh, thành phố trên cả nước.

c) Ghi nhận và biểu dương những cơ quan thực hiện tốt công tác CCHC, đem lại hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát hiện những sáng kiến, mô hình CCHC mới, thiết thực, hiệu quả để nghiên cứu, đánh giá nhân rộng trong toàn tỉnh.

d) Kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, thiếu sót, những khó khăn, vướng mắc hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện CCHC tại các cơ quan để khắc phục, tháo gỡ, xử lý; đồng thời ghi nhận những đề xuất, kiến nghị để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong tỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

đ) Sử dụng kết quả kiểm tra phục vụ đánh giá CCHC của cấp có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

a) Việc kiểm tra công tác CCHC phải thực hiện đúng quy định, nghiêm túc, khách quan, trung thực; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan để tránh trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, gây trở ngại đến hoạt động bình thường của các cơ quan được kiểm tra.

b) Việc kiểm tra công tác CCHC phải mang tính toàn diện trên các lĩnh vực, nội dung CCHC, đồng thời có trọng tâm, chú ý các nội dung quan trọng nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số của tỉnh.

c) Kết luận kiểm tra phải gửi đến cơ quan được kiểm tra trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra; nội dung kết luận phải làm rõ những mặt đạt được, chưa đạt được và nội dung, giải pháp cần triển khai khắc phục.

d) Cơ quan được kiểm tra phải nghiêm túc triển khai các giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót, vi phạm theo kết luận của Đoàn kiểm tra.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra toàn diện công tác CCHC: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC); cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Kiểm tra chuyên đề về cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Cải cách TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

(Nội dung kiểm tra chi tiết tại 02 phụ lục đính kèm báo cáo)

2. Hình thức kiểm tra

a) Kiểm tra trực tiếp tại cơ quan theo lịch thông báo.

b) Kiểm tra qua báo cáo, kết hợp với kiểm tra qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng được kiểm tra

a) Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

b) Khối cơ quan ngành dọc của trung ương trên địa bàn tỉnh

c) Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh

d) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa (kiểm tra tại các Chi nhánh)

đ) Khối UBND cấp huyện

e) Khối UBND cấp xã.

2. Thời gian kiểm tra

a) Thời gian tiến hành kiểm tra: Bắt đầu từ quý II/2024, kết thúc trước ngày 30/9/2024.

b) Kỳ kiểm tra: Theo từng nội dung yêu cầu tại đề cương báo cáo.

3. Phương pháp tổ chức kiểm tra

a) Thông báo lịch kiểm tra: Đoàn kiểm tra gửi thông báo lịch kiểm tra đến cơ quan được kiểm tra trước 10 ngày làm việc.

b) Báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra: Các cơ quan được kiểm tra gửi báo cáo phục vụ kiểm tra đến Sở Nội vụ trước 05 ngày làm việc.

c) Tiến hành kiểm tra

- Trường hợp kiểm tra trực tiếp tại cơ quan:

+ Đoàn kiểm tra kiểm tra thực tế việc thực hiện CCHC trên các lĩnh vực, nội dung CCHC; yêu cầu cơ quan cung cấp phương tiện (tài khoản truy cập các hệ thống phần mềm, hồ sơ lưu để đối chiếu,...) và các tài liệu, số liệu, báo cáo có liên quan để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan.

+ Đoàn kiểm tra trao đổi, thảo luận, yêu cầu cơ quan được kiểm tra báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ các nội dung cần thiết. Các thành viên Đoàn kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc, tồn tại mà cơ quan gặp phải để kịp thời giải đáp, hướng dẫn hoặc báo cáo Trưởng Đoàn kiểm tra.

+ Trong quá trình kiểm tra, có thể kết hợp khảo sát nhanh, phỏng vấn trực tiếp khách hàng đến thực hiện TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan; thu thập thông tin từ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, kiểm tra về các nội dung có liên quan.

- Trường hợp kiểm tra qua báo cáo, kết hợp với kiểm tra qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý:

+ Cơ quan cung cấp phương tiện (tài khoản truy cập các hệ thống phần mềm, hồ sơ lưu để đối chiếu,...) và các tài liệu, số liệu, báo cáo có liên quan để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan (hình thức cung cấp do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định).

+ Các thành viên Đoàn kiểm tra kiểm tra theo phân công, báo cáo Trưởng Đoàn kiểm tra kết quả kiểm tra (gửi Thư ký Đoàn kiểm tra tổng hợp).

+ Trưởng Đoàn kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ đến các cơ quan được kiểm tra để biết, có ý kiến giải trình, bổ sung (nếu có).

d) Thông báo kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, Đoàn kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra đến các cơ quan để biết, trong đó nêu rõ nội dung kiểm tra; mặt đạt được; hạn chế, thiếu sót, vi phạm; các giải pháp cần triển khai khắc phục; việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan (nếu có).

đ) Báo cáo kết quả kiểm tra: Đoàn kiểm tra tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 31/10/2024.

e) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý sau kiểm tra: Trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra; tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả khắc phục sau kiểm tra của các cơ quan.

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA, CƠ QUAN ĐƯỢC KIỂM TRA

1. Thành phần Đoàn kiểm tra

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, gồm: Đoàn kiểm tra toàn diện công tác CCHC; đoàn kiểm tra chuyên đề cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Thành phần Đoàn kiểm tra gồm Trưởng Đoàn, Thư ký Đoàn và các thành viên. Trong đó, Trưởng Đoàn là lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông; thành viên là công chức, viên chức được cử từ các Sở Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh,

c) Mời thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh tham gia cùng với Đoàn kiểm tra.

d) Mời phóng viên Báo Khánh Hòa, phóng viên Đài Phát thanh - Truyền

hình Khánh Hòa tham gia đưa tin và tuyên truyền về hoạt động của Đoàn kiểm tra.

2. Thành phần của cơ quan được kiểm tra

- a) Người đứng đầu cơ quan;
- b) Người đứng đầu các cơ quan thuộc và trực thuộc có liên quan đến nội dung kiểm tra;
- c) Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu công tác CCHC của cơ quan;
- d) Lãnh đạo được phân công phụ trách Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC các lĩnh vực (theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra);
- đ) Trường hợp kiểm tra tại cơ quan ngành dọc cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã thì có thêm thành phần sau:
 - Tại đơn vị ngành dọc cấp huyện: Lãnh đạo các cơ quan ngành dọc của trung ương trên địa bàn tỉnh;
 - Tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa;
 - Tại UBND cấp xã: Lãnh đạo Phòng Nội vụ cấp huyện; lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện; đại diện cấp ủy đảng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập các Đoàn kiểm tra, chọn cơ quan được kiểm tra, đảm bảo số lượng và cơ cấu.
- b) Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra tại các cơ quan theo kế hoạch; tổng hợp, cung cấp báo cáo phục vụ kiểm tra, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra.
- c) Trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của Đoàn kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý, khắc phục tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra.

2. Các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh

- a) Tạo điều kiện để thành viên tham gia cùng với Đoàn kiểm tra đầy đủ; cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo phạm vi, chức năng tham mưu quản lý; chịu trách nhiệm đối với nội dung kiểm tra của công chức, viên chức cử tham gia Đoàn kiểm tra.
- b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh bố trí các điều kiện, phương tiện và hậu cần để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các cơ quan được kiểm tra

- a) Phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch này đến các cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức để biết, thực hiện.

b) Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC theo đề cương, gửi Đoàn kiểm tra (thông qua Sở Nội vụ) trước thời điểm kiểm tra 05 ngày làm việc.

c) Bố trí phòng làm việc và các phương tiện cần thiết phục vụ Đoàn kiểm tra làm việc; triệu tập đầy đủ thành phần làm việc và phân công cán bộ, công chức, viên chức cùng làm việc với các thành viên Đoàn kiểm tra; mời đại diện cấp ủy đảng cùng tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra.

d) Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, thông tin, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

đ) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, kết luận của Đoàn kiểm tra; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện thông qua kiểm tra.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa: Tham gia đưa tin các buổi làm việc của Đoàn kiểm tra.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra từ nguồn kinh phí CCHC tỉnh cấp trong ngân sách Sở Nội vụ năm 2024./.

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TOÀN DIỆN CÔNG TÁC CCHC NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024)

I. CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)

1. Về ban hành và triển khai kế hoạch CCHC năm 2024

- a) Xây dựng, ban hành kế hoạch CCHC.
- b) Tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch CCHC tại thời điểm kiểm tra: Số nhiệm vụ đề ra; số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành.

2. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

- a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC (chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc, nhắc nhở thực hiện nhiệm vụ CCHC).
- b) Tổ chức tổng kết CCHC năm 2023 và triển khai kế hoạch CCHC năm 2024.
- c) Phân công lãnh đạo phụ trách, tham mưu công tác CCHC.
- d) Số lượng các cuộc họp, hội nghị, giao ban về công tác CCHC và các nội dung liên quan đến công tác CCHC.
- đ) Thực hiện đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- e) Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của cơ quan.

3. Về công tác kiểm tra CCHC

- a) Ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC tại cơ quan thuộc và trực thuộc.
- b) Số lượng cơ quan được kiểm tra về CCHC; việc xử lý hạn chế, thiếu sót, vi phạm sau kiểm tra.
- c) Rà soát, khắc phục tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra CCHC năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, cơ quan cấp trên.

4. Công tác tuyên truyền, tập huấn CCHC

- a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC năm 2024.
- b) Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền (nội dung; hình thức; số lượng tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện;...).

5. Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh

6. Triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao các Chỉ số đánh giá đối với tỉnh như PAR-Index, SIPAS, PCI, PAPI, PGI, DTI

7. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới, hiệu quả trong triển khai công tác CCHC

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Cải cách thể chế

- a) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là VBQPPL)
- Số VBQPPL ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (*nếu có*).
 - Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ban hành kế hoạch/báo cáo kết quả theo dõi, xử lý hoặc kiến nghị xử lý).
 - Rà soát VBQPPL.
 - Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL.
 - Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- b) Việc triển khai các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh
- Triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI tỉnh giai đoạn 2021- 2025, Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI tỉnh năm 2024.
 - Triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ.
 - Các văn bản đã ban hành, hoạt động đã triển khai để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- a) Cải cách TTHC
- Đánh giá tác động TTHC tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*nếu có*).
 - Tham mưu công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (*nếu có*).
 - Công khai TTHC.
 - Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.
 - Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC, công khai kết quả xử lý theo quy định.
 - Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC.
 - Kết quả triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh.
- b) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa.
 - Bố trí, kiện toàn công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa; bố trí trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Triển khai Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Số lượng lĩnh vực, TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kết quả giải quyết hồ sơ (*từ ngày 15/12/2023 đến thời điểm báo cáo*): Hồ sơ tiếp nhận; hồ sơ đã giải quyết, gồm đúng hạn và trễ hạn; hồ sơ đang giải quyết, gồm trong hạn và trễ hạn (*tham khảo mẫu thống kê 6đ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh*).

- Chấp hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Điều 21a, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*ngày 15/12/2023 đến thời điểm báo cáo*)

- Hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến.

- Hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

a) Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức (*đối với UBND cấp xã, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước ở cơ quan*).

b) Thực hiện quy định về sử dụng biên chế, vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao:

- Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hằng năm;

- Chấp hành các quy định về thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc;

- Phân bổ, thực hiện biên chế công chức và số lượng người làm việc được giao;

- Thực hiện các nội dung về phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sắp xếp thôn, tổ dân phố chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định giai đoạn 2023-2025 (*đối với UBND cấp huyện*).

d) Thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được phân cấp và xử lý các vấn đề được phát hiện sau kiểm tra.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại tại cơ quan.

b) Thực hiện công tác xếp lương, bổ nhiệm ngạch/chuyển đổi nghề nghiệp đối với công chức, viên chức mới trúng tuyển.

c) Thực hiện chế độ tiền lương (nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn) tại cơ quan.

d) Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức.

đ) Chuyển xếp lương (nếu có) khi có thay đổi về trình độ chuyên môn đào tạo theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2024; việc thực hiện bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ; việc thực hiện bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

g) Triển khai thực hiện Kế hoạch số 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh.

h) Thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức; việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức.

i) Đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã, báo cáo thêm các nội dung:

- Thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; việc bố trí, sử dụng, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Thực hiện công tác xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã; xếp lương khi thay đổi bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ; xếp lương lần đầu đối với cán bộ, công chức cấp xã.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

5. Về cải cách tài chính công

a) Thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

c) Thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

d) Thực hiện công khai tài chính ngân sách

đ) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công

e) Giải ngân vốn đầu tư công.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế, kế hoạch về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan.

b) Phạm vi, mức độ và hiệu quả triển khai sử dụng các hệ thống thông tin: Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC; ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản đi/đến; ứng dụng phần mềm nội bộ thuộc Hệ thống GIS Khánh Hòa (nếu có); sử dụng chữ ký số của cơ quan và lãnh đạo cơ quan trên văn bản điện tử; sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc; mức độ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước; việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan,...

c) Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của cơ quan: Việc lập hồ sơ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin và công tác triển khai thực hiện sau phê duyệt.

d) Việc tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại cơ quan, đơn vị; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp và cơ quan ngành dọc trung ương: Việc ứng dụng hệ thống thông tin trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ, cung cấp thông tin, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC.

e) Việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nêu cụ thể, không ghi chung chung)*

1. Đối với trung ương
2. Đối với UBND tỉnh
3. Đối với các cơ quan liên quan

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG *(thuyết minh, minh họa, giải trình)*

1. Bảng rà soát tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch CCHC của cơ quan tại thời điểm kiểm tra.
2. Bảng tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC theo lĩnh vực của cơ quan tại thời điểm kiểm tra.
3. Các phụ lục, biểu, bảng khác (nếu có).

Kèm theo báo cáo các văn bản về chỉ đạo, triển khai công tác CCHC của cơ quan, đơn vị; các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra./.

Phụ lục 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CCHC NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm quy định về cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh; các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo liên quan.
2. Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024.
3. Thực hiện đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách TTHC

- a) Đánh giá tác động TTHC tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).
- b) Tham mưu công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (nếu có).
- c) Công khai TTHC.
- d) Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.
- đ) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC, công khai kết quả xử lý theo quy định.
- e) Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC.
- g) Kết quả triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- a) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa.
- b) Bố trí, kiện toàn công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa; bố trí trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.
- c) Triển khai Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- d) Số lượng lĩnh vực, TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- đ) Kết quả giải quyết hồ sơ (từ ngày 15/12/2023 đến thời điểm báo cáo): Hồ sơ tiếp nhận; hồ sơ đã giải quyết, gồm đúng hạn và trễ hạn; hồ sơ đang giải quyết,



gồm trong hạn và trễ hạn (*tham khảo mẫu thống kê 6đ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh*).

e) Chấp hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

g) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Điều 21a, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*Thống kê từ ngày 15/12/2023 đến thời điểm báo cáo*)

a) Hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến qua mạng internet, gồm các nội dung:

- Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;
- Số TTHC phát sinh hồ sơ;
- Số hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ của TTHC công bố thực hiện trực tuyến có phát sinh hồ sơ, tỉ lệ;
- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trong thời hạn 08 giờ làm việc theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến, gồm các nội dung:

- Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;
- Số TTHC phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến;
- Số lượng giao dịch và số tiền thanh toán trực tuyến (Công Dịch vụ công quốc gia; Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (*nêu cụ thể, không ghi chung chung*)

1. Đối với trung ương
2. Đối với UBND tỉnh
3. Đối với các cơ quan có liên quan

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (*thuyết minh, minh họa, giải trình*)

Kèm theo báo cáo các văn bản về chỉ đạo, triển khai công tác CCHC của cơ quan; các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra./.